

Phụ lục số 01

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO LÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức I giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035”)



STT	Thể loại, số hiệu	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
<b>I. Văn bản của Trung ương</b>				
1			Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
2	Nghị quyết số 19-NQ/TW	25/10/2017	Ban Chấp hành Trung ương Đảng	Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập
3	Nghị quyết số 26-NQ/TW	19/5/2018	Ban Chấp hành Trung ương Đảng	Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ
4	Nghị quyết số 32-NQ/TW	26/5/2014	Bộ Chính trị	Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý
5	Nghị quyết số 37-NQ/TW	9/10/2014	Bộ Chính trị	Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030
6	Kết luận số 94-KL/TW	28/3/2014	Ban Bí thư Trung ương Đảng	Tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân
7	Kết luận số 117-KL/TW	20/11/2015	Ban Bí thư Trung ương Đảng	Về công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
8	Quy định số 09-QĐ/TW	13/11/2018	Ban Bí thư Trung ương Đảng	Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Thể loại, số hiệu	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
9	Quy định số 11-QĐ/TW	19/5/2021	Ban Bí thư Trung ương Đảng	Về trường chính trị chuẩn.
10	Quy định số 57-QĐ/TW	08/02/2022	Ban Bí thư Trung ương Đảng	Đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị
11	Nghị định 43/2006/NĐ-CP	25/4/2006	Chính phủ	Quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập
12	Nghị định số 101/2017/NĐ-CP	01/9/2017	Chính phủ	Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
13	Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	21/6/2021	Chính phủ	Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập
14	Quyết định số 587/QĐ/TTg	17/5/2019	Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2019 - 2030
15	Quyết định số 705/QĐ-TTg	7/6/2019	Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Đề án “Sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030”
16	Thông tư số 01/2018/TT-BNV	08/01/2018	Bộ Nội vụ	Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
17	Kết luận số 479-KL/HVCTQG	26/9/2019	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Kết luận tại Hội thảo khoa học cấp Bộ với chủ đề “xây dựng trường chính trị chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay

STT	Thể loại, số hiệu	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
18	Thông báo số 463-TB/HVCTQG	22/7/2021	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Về ý kiến của đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương về việc triển khai Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn
19	Kế hoạch số 380-KH/HVCTQG	06/9/2021	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn (giai đoạn 2021-2025);
20	Hướng dẫn số 381-HD/HVCTQG	06/9/2021	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Về quy trình công nhận trường chính trị chuẩn và cụ thể hóa một số nội dung của Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về TCT chuẩn.
21	Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG	21/12/2021	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Ban hành bộ Quy chế đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
22	Nghị quyết số 21-NQ/ĐU	30/6/2022	Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy Học viện trong triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn
<b>II. Văn bản của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lai Châu</b>				
23	Nghị quyết số 05-NQ/ĐH	23/10/2020	Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIV	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025
24	Nghị quyết số 12-NQ/TU	01/10/2014	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

STT	Thể loại, số hiệu	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
25	Nghị quyết số 06-NQ/TU	15/3/2021	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
26	Kế hoạch số 34-KH/TU	24/5/2021	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
27	Nghị quyết số 09-NQ/TU	25/02/2022	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
28	Kết luận số 209-KL/TU	06/8/2021	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 30/9/2016 về “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020”
29	Kết luận số 224-KL/TU	18/10/2021	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh”
30	Kế hoạch số 61-KH/TU	22/12/2021	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Thực hiện Kết luận số 224-KL/TU, ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh”
31	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND	23/7/2019	HĐND tỉnh Lai Châu	Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh
32	Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND	16/11/2018	UBND tỉnh Lai Châu	Ban hành quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu
33	Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND	16/9/2019	UBND tỉnh Lai Châu	Ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu

STT	Thể loại, số hiệu	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
34	Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND	18/10/2019	UBND tỉnh Lai Châu	Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh
35	Công văn số 609-CV/TU	27/10/2021	Tỉnh ủy Lai Châu	Quản triệt, triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn



## Phụ lục số 02

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn Quốc gia đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035”)



STT	Thể loại, số hiệu	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
1	Quyết định Số 940-QĐ/TU	01/4/2019	Tỉnh ủy Lai Châu	Về việc sắp xếp tổ chức bộ máy Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
2	Quy chế Số 01-QC/PH/ BCHCĐCS & BGHTCT	01/01/2018	Công đoàn Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Phối hợp hoạt động giữa Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Giám hiệu Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
3	Quyết định Số 1818-QĐ/TCT	02/7/2018	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về việc ban hành Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
4	Quyết định Số 1819-QĐ/TCT	02/7/2018	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về việc ban hành Quy định về luân chuyển cán bộ quản lý của Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
5	Quyết định Số 21-QĐ/TCT	05/9/2018	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
6	Quy định Số 02-QĐi/TCT	16/5/2019	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các khoa, phòng chuyên môn thuộc Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
7	Quy định Số 03-QĐ/TCT	16/5/2019	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
8	Quyết định số 2392-QĐ/TCT	05/6/2019	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thao giảng, dự giờ

STT	Thể loại, số hiệu	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
9	Quy định Số 01-QĐi/TCT	14/6/2019	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về ứng xử văn hóa của Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
10	Quyết định Số 2408-QĐ/TCT	14/6/2019	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
11	Quy định Số 04-QĐi/TCT	01/12/2019	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn đánh giá cán bộ trưởng, phó các khoa phòng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
12	Quyết định Số 2855-QĐ/TCT	16/4/2020	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về việc thành lập Tổ Thanh tra đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
13	Quyết định Số 309-QĐ/TCT	27/7/2021	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về việc kiện toàn Ban biên tập Thông tin lý luận và thực tiễn và Trang thông tin điện tử
14	Quy định Số 01-QĐi/TCT	04/8/2021	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về khóa luận tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính
15	Quy định Số 02-QĐi/TCT	09/11/2021	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Về tổ chức giảng dạy, quản lý đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến tại Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
16	Thông báo Số 82-TB/TCT	06/01/2022	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Thông báo về việc phân công nhiệm vụ các thành viên lãnh đạo Trường Chính trị tỉnh Lai Châu
17	Quyết định Số 591-QĐ/TCT	10/01/2022	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công năm 2022 (Được điều chỉnh, bổ sung hàng năm)
18	Thông báo		Các khoa, phòng	Thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể của các khoa, phòng (Được điều chỉnh, bổ sung hàng năm)

## Phụ lục số 03

**BIỂU THÔNG KÊ, SO SÁNH THỰC TRẠNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LAI CHÂU VỚI CÁC TIÊU CHÍ CHUẨN**

(Kèm theo Đề án giữa Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về "Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035")



(Tính đến tháng 9/2022)

TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phần đầu đạt chuẩn	Thời hạn phần đầu đạt chuẩn
			Đạt	Không đạt		
I	<b>Thế chế, quy định (Điều 6, Quy định 11-QĐ/TW)</b>					
1	Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Có tương đối đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi.	x		Tiếp tục duy trì	
II	<b>Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 7, Điều 13 Quy định 11-QĐ/TW)</b>					
1	Bảo đảm tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm	Trên cơ sở hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy nhà trường đã tiến hành rà soát, hoàn chỉnh vị trí việc làm viên chức gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp. Nhưng vẫn còn một số vị trí việc làm có trình độ chưa phù hợp.		x	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp, bố trí lại các vị trí việc làm có trình độ chưa phù hợp	2025



TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phân đầu đạt chuẩn	Thời hạn phân đầu đạt chuẩn
			Đạt	Không đạt		
2	Trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học XH và NV (trong đó có hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trình độ tiến sĩ)	Hiệu trưởng có trình độ Cử nhân, 02 Phó Hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ.		x	Cử ít nhất 01 lãnh đạo trường đi đào tạo tiến sĩ kết hợp sắp xếp, điều động cán bộ để đảm bảo đạt chuẩn	2026
	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương)	3/3 đồng chí có trình độ Cao cấp LLCT	x		Tiếp tục duy trì	
	Giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương trở lên	Hiệu trưởng giữ ngạch chuyên viên cao cấp, 02 Phó Hiệu trưởng giữ ngạch chuyên viên chính	x		Tiếp tục duy trì	
	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm	3/3 đồng chí có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm	x		Tiếp tục duy trì	
	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM	3/3 đồng chí chưa có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM		x	Phân đầu đạt chuẩn	2024
	Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Không hoàn thành nhiệm vụ năm 2019		x	Duy trì và nâng cao kết quả từ năm 2020	2024

TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phần đầu đạt chuẩn	Thời hạn phần đầu đạt chuẩn		
			Đạt	Không đạt				
3	<i>Lãnh đạo khoa</i>	1	Trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học XH và NV	1/6 đồng chí chưa có trình độ Thạc sĩ		X	Phần đầu đạt chuẩn	2024
		2	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương)		X		Tiếp tục duy trì	
		3	Giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương trở lên	5/6 đồng chí chưa giữ ngạch giảng viên chính.		X	Có kế hoạch bồi dưỡng và tổ chức xét thăng hạng GV chính cho GV	2025
		4	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm	6/6 đồng chí có chứng chỉ phương pháp giảng dạy tích cực	X		Tiếp tục duy trì	
		5	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM	6/6 đồng chí có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM	X		Tiếp tục duy trì	
		6	Chỉ đạo, đề xuất thành công từ 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên	4/6 đồng chí chưa đạt tiêu chí		X	Phần đầu đạt chuẩn	2025
		7	Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	3 đồng chí trưởng khoa có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	X		Tiếp tục duy trì	

TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phân đầu đạt chuẩn	Thời hạn phân đầu đạt chuẩn		
			Đạt	Không đạt				
4	Lãnh đạo phòng	1	Trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên	2/4 đồng chí chưa có trình độ thạc sĩ.	x	Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kết hợp luân chuyển, điều động, bổ trí, sắp xếp lại các vị trí theo hướng đạt chuẩn	2026	
		2	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị	2/4 đồng chí chưa có trình độ CCLLCT	x			
		3	Giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương trở lên	3/4 đồng chí chưa giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương	x			
		4	Tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình,...	Đã tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình,...	x			Tiếp tục duy trì
		5	Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	2 đồng chí trưởng phòng có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	x			Tiếp tục duy trì
5	Giảng viên (tính tất cả những người	1	Đội ngũ giảng viên cơ hữu và kiêm nhiệm đạt tỉ lệ 75%	23 giảng viên/32 tổng số cán bộ, viên chức, chiếm 71% (thiếu 01 giảng viên)	x	Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kết hợp luân chuyển, điều động, bổ trí, sắp xếp lại các vị trí theo hướng đạt chuẩn	2026	
		2	Ít nhất 90% giảng viên có trình độ ThS trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy	17/23 giảng viên có trình độ thạc sĩ = 73,9% (thiếu 04 giảng viên)	x			
		3	100% giảng viên có trình độ trung cấp LLCT trở lên	23/23 giảng viên có trình độ lý luận trung cấp lý luận chính trị trở lên	x			Tiếp tục duy trì

TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phần đầu đạt chuẩn	Thời hạn phần đầu đạt chuẩn	
			Đạt	Không đạt			
giữ ngạch giảng viên kể cả LD trường, trưởng phó khoa, phòng)	4	100% giảng viên sau 7 năm có cao cấp LLCT	16/23 giảng viên có bằng CCLLCT và tương đương; 4/23 giảng viên có chứng nhận trình độ CCLLCT; 3/23 giảng viên có trình độ TCLLCT		X	Phần đầu đạt chuẩn	2025
	5	100% có nghiệp vụ sư phạm	23/23 giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ PPDHTC hoặc bằng DH sư phạm	X		Tiếp tục duy trì	
	6	Ít nhất 80% có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM	20/23 giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng = 87%	X		Tiếp tục duy trì	
	7	Ít nhất 60% giữ ngạch GVVC và tương đương trở lên	4/23 giảng viên giữ ngạch giảng viên chính và tương đương trở lên = 17,4% (thiếu 10 giảng viên chính)		X	Có kế hoạch bồi dưỡng và tổ chức xét thăng hạng giảng viên chính cho giảng viên	2026
	8	100% giảng viên áp dụng hiệu quả phương pháp giảng dạy tích cực, tham gia thao giảng cấp trường, cấp khoa và đạt yêu cầu trở lên	23/23 giảng viên đạt tiêu chí	X		Tiếp tục duy trì	
	9	100% hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế theo quy định	23/23 giảng viên đạt tiêu chí	X		Tiếp tục duy trì	

TT	Tiêu chí		Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phân đầu đạt chuẩn		
				Đạt	Không đạt	Nhiệm vụ	Thời hạn phân đầu đạt chuẩn	
	10	Xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng	Chưa xây dựng được đội ngũ giảng viên thỉnh giảng		x	Khẩn trương lựa chọn; xây dựng, ban hành Quyết định và Quy chế hoạt động của đội ngũ GV thỉnh giảng	2023	
<b>III</b>	<b>Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (Điều 8, Quy định 11-QĐ/TW)</b>							
1	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao		Hàng năm, hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh giao		x		Tiếp tục duy trì	
2	Thực hiện đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao		Hiện nay Trường mới được giao tổ chức thực hiện một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng; chưa đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ				Phân đầu đạt chuẩn Từ 2024	
3	Tỷ lệ lớp Trung cấp LLCT hệ tập trung so với hệ không tập trung ít nhất là 1/3		3 năm gần đây, tỷ lệ lớp TCLLCT hệ tập trung/ lớp TCLLCT hệ không tập trung khoảng 1/7				Phân đầu đạt chuẩn 2022	
4	Thực hiện nghiêm quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quyết định khác về đào tạo, bồi dưỡng				x		Tiếp tục duy trì	

TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phân đầu đạt chuẩn	
			Đạt	Không đạt	Nhiệm vụ	Thời hạn phân đầu đạt chuẩn
5	Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, CSVC, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng DT, BD từ mức khá trở lên	Thời gian qua, Trường đã tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên (qua kết quả học tập, rèn luyện của học viên), giảng viên (qua các đợt thanh tra; phiếu phản hồi từ người học). Chưa thực hiện đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng. Giai đoạn 2015 - 2021 vẫn còn 8,3% học viên các lớp đào tạo và 4,5% học viên các lớp bồi dưỡng có kết quả đánh giá chất lượng xếp loại trung bình.		x	Phân đầu đạt chuẩn	2024
<b>IV</b>	<b>Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (Điều 9, Quy định 11-QĐ/TW)</b>					
1	Mỗi năm thực hiện ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên	Số lượng đề tài thực hiện hằng năm chưa đảm bảo theo tiêu chí: Năm 2017: 03 đề tài, năm 2019: 02 đề tài năm 2020: 01 đề tài, năm 2021: 02 đề tài.		x	Phân đầu đạt chuẩn	2023
2	5 năm thực hiện ít nhất 03 đề tài cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên	Nhà trường chưa thực hiện được		x	Phân đầu đạt chuẩn	2026
3	Mỗi năm tổ chức ít nhất 03 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường	Hằng năm nhà trường đã tổ chức được 3 cuộc hội thảo, tọa đàm cấp trường	x		Tiếp tục duy trì	

TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phân đầu đạt chuẩn	
			Đạt	Không đạt	Nhiệm vụ	Thời hạn phân đầu đạt chuẩn
4	5 năm tổ chức được ít nhất 03 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên	Nhà trường chưa tổ chức được hội thảo, tọa đàm cấp tỉnh trở lên		x	Phấn đầu đạt chuẩn	2025
5	Kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhà trường được chuyển giao theo quy định. Có báo cáo kiến nghị, đề xuất từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên	Chưa có		x	Phấn đầu đạt chuẩn	Từ 2024
6	Trong 5 năm xuất bản ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học	Nhà trường mới xuất bản được 03 cuốn sách: Tình hình nhiệm vụ của tỉnh Lai Châu (xuất bản năm 2018); Công chức, viên chức Trường Chính trị học và làm theo Bác (xuất bản năm 2019) và Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Lai Châu (xuất bản năm 2021).		x	Phấn đầu đạt chuẩn	2026
7	Xuất bản được tạp chí hoặc bản tin "Thông tin lý luận và thực tiễn" ít nhất 3 kỳ/năm; đảm bảo nội dung, đúng quy định của luật xuất bản	Phát hành 02 số bản tin/năm và chỉ lưu hành nội bộ		x	Phấn đầu đạt chuẩn	Từ 2023
8	Xây dựng Trang thông tin điện tử của Trường và cập nhật thông tin thường xuyên	Đã xây dựng và cập nhật thường xuyên trang thông tin điện tử của trường	x		Tiếp tục duy trì; nâng cao chất lượng tin, bài	

TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phần đầu đạt chuẩn	Thời hạn phần đầu đạt chuẩn
			Đạt	Không đạt		
V	<b>Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Điều 10, Quy định 11-QĐ/TW)</b>					
1	Xây dựng được tiêu chí văn hoá ứng xử trong nhà trường	Nhà trường đã xây dựng Quy định số 01-QĐ/TCCT, ngày 16/5/2019 về văn hóa ứng xử của Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	x		Tiếp tục duy trì	
2	Thực hiện tốt học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch; tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện tích cực việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đến toàn thể viên chức nhà trường theo hướng dẫn của Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	x		Tiếp tục duy trì	
3	100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng theo quy định	Vẫn còn viên chức vi phạm bị xử lý kỷ luật năm 2019, 2020		x	Duy trì kết quả từ năm 2021	2024
4	Không có cán bộ, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Có 01 đồng chí bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo năm 2020		x	Duy trì kết quả từ năm 2021	2025
5	Tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả, hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Chi bộ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2020		x	Duy trì kết quả từ năm 2021	2025



TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phân đầu đạt chuẩn	
			Đạt	Không đạt	Nhiệm vụ	Thời hạn phân đầu đạt chuẩn
6	Hàng năm, Trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Hàng năm, tập thể lãnh đạo nhà trường xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ	x		Tiếp tục duy trì	
7	Thực hiện tốt quy chế dân chủ	Hàng năm, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ	x		Tiếp tục duy trì	
8	Tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua có tầm quyền phát động	Tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua do Trung ương, Học viện, Tỉnh, Cụm thi đua tổ chức	x		Tiếp tục duy trì	
<b>VI</b>	<b>Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính (Điều 11, Quy định 11-QĐ/TW)</b>					
1	Đủ cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật phục vụ việc dạy, học và nghiên cứu; đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; bảo đảm tăng quy mô đào tạo tập trung	Có 01 tòa nhà giảng đường với 06 phòng học; 01 tòa nhà hiệu bộ với 21 phòng làm việc cơ bản còn đảm bảo yêu cầu hoạt động. Khu ký túc xá; nhà ăn, nhà thi đấu tập luyện thể thao đã xuống cấp không còn đảm bảo; không có hội trường lớn, thư viện, nhà truyền thống, phòng hội thảo...		x	Sửa chữa, xây mới các hạng mục đảm bảo đạt chuẩn	2026

TT	Tiêu chí	Thực trạng cụ thể	So với chuẩn mức 1		Nhiệm vụ và thời hạn phần đầu đạt chuẩn	Thời hạn phần đầu đạt chuẩn
			Đạt	Không đạt		
2	Tổng diện tích sử dụng (gồm diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng họp, phòng hội thảo, phòng truyền thống, phòng khách, hội trường lớn, thư viện, nhà đa năng, nhà ăn, ký túc xá, khuôn viên cây xanh hoặc vườn hoa, đường giao thông nội bộ...) bảo đảm tối thiểu 20.000m <sup>2</sup>	Diện tích nhà trường 17.963m <sup>2</sup>		X	Bổ sung, mở rộng diện tích sử dụng đảm bảo đạt chuẩn	2026
3	Công tác tài chính đúng quy định, công khai, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hoạt động	Hoạt động thu, chi tài chính đảm bảo thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch, hiệu quả, cơ bản đáp ứng các yêu cầu nâng cao hoạt động chuyên môn của nhà trường và thu nhập của cán bộ, giảng viên.	X		Tiếp tục duy trì	
<b>Tổng tiêu chí đạt, chưa đạt (%)</b>			<b>Đạt</b> 24/54 (44,4%)	<b>Chưa đạt</b> 30/54 (55,6%)		

## Phụ lục số 04

**THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA ĐỘI NGŨ  
CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ, GIÁNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ SO VỚI CHUẨN MỨC 1**

*(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về "Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu  
đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035")*

-----

(Tính đến tháng 9 năm 2022)

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT; ngạch (hạng viên chức)		Nhóm đối tượng													
		Lãnh đạo nhà trường			Trưởng, phó khoa			Trưởng, phó phòng			Đội ngũ giảng viên (cơ hữu và kiêm nhiệm)				
		<i>(Tổng số: 03)</i>			<i>(Tổng số: 06)</i>			<i>(Tổng số: 04)</i>			<i>(Tổng số: 23)</i>				
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ														
	Thạc sĩ	2	66,7	Chưa đạt, HT hoặc PHT phụ trách chuyên môn chưa có trình độ TS	5	83,3	Chưa đạt, thiếu 16,7% (01 đ/c)	2	50	Chưa đạt, thiếu 50% (02 đ/c)	17	73,9	Chưa đạt 90%, với đội ngũ hiện tại thiếu 16,1% = 04 giảng viên (hiện có 03 gv đang học)		
	Cử nhân	1	33,3		1	16,7		2	50		6	26,1			



Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT; ngạch (hạng viên chức)		Nhóm đối tượng											
		Lãnh đạo nhà trường (Tổng số: 03)			Trưởng, phó khoa (Tổng số: 06)			Trưởng, phó phòng (Tổng số: 04)			Đội ngũ giảng viên (có hữu và kiêm nhiệm) (Tổng số: 23)		
Trình độ LL chính trị	Cao cấp (hoặc tương đương)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	So với chuẩn mức 1	Số lượng	Tỉ lệ (%)	So với chuẩn mức 1	Số lượng	Tỉ lệ (%)	So với chuẩn mức 1	Số lượng	Tỉ lệ (%)	So với chuẩn mức 1
				3	100	Đạt	5	83,3	Đạt	2	50	Chưa đạt, thiếu 50% (02 đ/c)	16
	Chứng nhận CCLLCT				1	16,7					4	17,4	
	Trung cấp							2	50		3	13,0	
Nghịệp vụ sư phạm (chứng chỉ hoặc bằng ĐHSP)		3	100	Đạt	6	100	Đạt	3	75		23	100	Đạt
Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh		0	0	3/3 đ/c chưa đạt	6	100	Đạt	2	50		20	87	Đạt

Nhóm đối tượng													
Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT; ngạch (hạng viên chức)	Lãnh đạo nhà trường			Trưởng, phó khoa			Trưởng, phó phòng			Đội ngũ giảng viên (cơ hữu và kiêm nhiệm)			
	(Tổng số: 03)			(Tổng số: 06)			(Tổng số: 04)			(Tổng số: 23)			
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	So với chuẩn mức 1	Số lượng	Tỉ lệ (%)	So với chuẩn mức 1	Số lượng	Tỉ lệ (%)	So với chuẩn mức 1	Số lượng	Tỉ lệ (%)	So với chuẩn mức 1	
Ngạch (hạng viên chức)	GVC hoặc tương đương trở lên	3	100	Đạt	1	16,7%	PChưa đạt, thiếu 83,3% (05 đ/c)	1	25	Chưa đạt, thiếu 75% (03 đ/c)	4	17,4	Chưa đạt 60%, với đội ngũ hiện tại thiếu 42,6% = 10 giảng viên
		Giảng viên và tương đương			5	83,3		3	75				

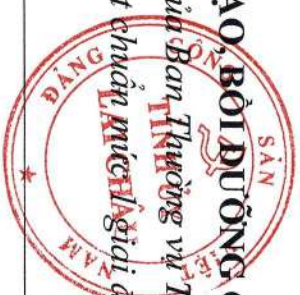
**Ghi chú:** Hiện tại, tỷ lệ giảng viên (Giảng viên cơ hữu và kiêm nhiệm)/tổng số cán bộ, viên chức là  $23/32 = 71,8\%$ , chưa đạt, để đạt  $75\% = 24$  giảng viên, còn thiếu 01 giảng viên.



## Phụ lục số 05

**KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIAI ĐOẠN 2015 - 2021**

(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn KHCN giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035”)



TT	Năm	Đào tạo TCLLCT										Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch					Bồi dưỡng theo chức vụ lãnh đạo, quản lý		Bồi dưỡng khác*		Tổng kết qua ĐT, BD trong năm	
		Số lớp		Tổng số học viên	Xếp loại (%)				Số lớp	Tổng số học viên	Xếp loại (%)			Số lớp	Tổng số học viên	Số lớp	Số học viên	Số lớp	Số học viên			
		Hệ tập trung	Hệ KTT		G	K	TB	KXL			G	K	TB									
1	2015	15	1	14	1115	30,8	63,8	4,8	0,6	8	861	43,6	56,4			1	62	24	2038			
2	2016	11	1	10	827	29,6	59,9	9,7	0,8	7	651	40,2	59,8			4	405	22	1883			
3	2017	13	2	11	853	36,8	48,4	11,4	3,4	10	920	41,5	57,5	1				23	1773			
4	2018	9	2	7	553	26,6	68,2	5,2		8	650	23,5	73,7	2,8		7	443	24	1646			
5	2019	12	1	11	714	19,3	69,3	11,4		7	504		95,8	4,2	5	259	7	478	31	1955		
6	2020	5	1	4	300	24	68,7	7,3		10	1187	6,3	81	12,7	4	230	1	106	20	1823		
7	2021	6	1	5	303					3	177		88,1	11,9			12	757	21	1237		
<b>Tổng</b>		<b>71</b>	<b>9</b>	<b>62</b>	<b>4665</b>	<b>28,9</b>	<b>61,8</b>	<b>8,3</b>	<b>1</b>	<b>53</b>	<b>4950</b>	<b>25,2</b>	<b>70,3</b>	<b>4,5</b>	<b>9</b>	<b>489</b>	<b>32</b>	<b>2251</b>	<b>165</b>	<b>12355</b>		

\* Bồi dưỡng khác gồm: Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng, đoàn thể; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đối tượng 4 theo Quy định 164-QĐ/TW, bồi dưỡng cấp ủy cơ sở.



TT	Nội dung	Năm							Tổng	
		2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021		
5	<b>Xuất bản Bản tin "Thông tin LL&amp;TT"</b> (số kỳ/năm)	2	2	3	3	4	2	2	18	
6	Số tin, bài Cập nhật TT hoạt động của Trường; VB liên quan của Đảng, NN, Học viện	(Chưa hoạt động)							4	24
									10	35
7	<b>Viết bài tại các báo, tạp chí, Trang Website Trung ương và địa phương (bài)</b>			3	5	6	18	29	61	
8	<b>Tổ chức đi nghiên cứu thực tế của lãnh đạo Trường (học người)</b>									
9	<b>Nghiên cứu thực tế (học người)</b>					21	19	20	60	
	<b>Đi thực tế có kỳ hạn</b>								0	
10	<b>Tổ chức đi nghiên cứu của Khoa (đoàn)</b>								0	
11	<b>Đưa lớp đi nghiên cứu thực tế (đoàn)</b>	15	10	12	10	8	12	17	84	



## Phụ lục số 07

**THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức I giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035”)



(Tính đến tháng 9/2022)

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )		Số phòng	Năm đưa vào SD hoặc cải tạo, sửa chữa	Hiện trạng, mức độ đáp ứng yêu cầu sử dụng
		Diện tích đất	Diện tích sử dụng			
I	Khu nhà Hiệu bộ	393	1.177		Đưa vào sử dụng năm 2018	Có 01 khối nhà 3 tầng
1	Phòng họp lãnh đạo		21,5	01		Đảm bảo
2	Phòng họp cơ quan		61,5	01		Diện tích hẹp, sức chứa nhỏ (tối đa 40 chỗ ngồi), khó kết hợp tổ chức được các hội nghị, hội thảo ở phạm vi mở rộng ngoài đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường.
3	Phòng làm việc lãnh đạo trường		120	03		Đảm bảo
4	Phòng làm việc của 3 khoa, 2 phòng chuyên môn		474,5	13		Có tổng số 14 phòng làm việc, đảm bảo
5	Các công trình phụ trợ (sảnh chính, cầu thang, sảnh hành lang, khu vệ sinh...)		499,5			Đảm bảo



TT	Hạng mục	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )		Số phòng	Năm đưa vào SD hoặc cải tạo, sửa chữa	Hiện trạng, mức độ đáp ứng yêu cầu sử dụng
		Diện tích đất	Diện tích sử dụng			
6	Phòng khảo thí phục vụ công tác ra đề, chấm bài					Không có
7	Phòng truyền thống					Không có
8	Phòng khách					Không có
<b>II.</b>	<b>Khu Giảng đường</b>	<b>380,4</b>	<b>1.141,14</b>		<b>Đưa vào sử dụng năm 2012</b>	<b>Có 01 khối nhà 3 tầng</b>
1.	Phòng học			<b>06</b>		Có 06 phòng học, sức chứa bình quân 75 học viên/phòng. Đang trong tình trạng xuống cấp (nền phòng học bị phòng rộp, bong tróc; nhà vệ sinh bị ngấm,...)
2.	Phòng vi tính					Không có
<b>III.</b>	<b>Hội trường lớn</b>					Không có
<b>IV.</b>	<b>Thư viện, phòng đọc</b>					Không có
<b>V.</b>	<b>Khu ký túc xá, nhà nghỉ</b>					Không có
1.	Nhà Ký túc xá 7 gian (nhà cấp IV)		131			Đã hết giá trị khấu hao, xuống cấp. Hiện tại bố trí 11 phòng ở cho học viên với sức chứa khoảng 60 người còn lại làm phòng kho do quá xuống cấp, không đảm bảo an toàn. Khu vệ sinh không đảm bảo, tạm bợ, không đáp ứng được điều kiện về nơi ăn nghỉ, sinh hoạt cho học viên.
2.	Nhà ký túc xá 9 gian (nhà cấp IV)		181			

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )		Số phòng	Năm đưa vào SD hoặc cải tạo, sửa chữa	Hiện trạng, mức độ đáp ứng yêu cầu sử dụng
		Diện tích đất	Diện tích sử dụng			
3.	Khu nhà nghỉ chuyên gia, giảng viên					Không có
VI.	<b>Khu nhà ăn, căng tin</b>					
1	Phòng bếp nấu và phòng ăn	215	215		Nhận bàn giao từ sở Nông nghiệp năm 2012	Có 01 phòng bếp và 02 phòng ăn với sức chứa khoảng 100 người. Đã hết niên hạn sử dụng và xuống cấp trầm trọng. Do được tận dụng lại từ phòng học của trường THCS Tân Phong cũ chuyển giao cho sở Nông nghiệp sử dụng. Đến năm 2012 Trường Chính trị được tiếp quản và tiếp tục sử dụng bố trí làm nhà ăn cho học viên.
2.	Căng tin					Không có
VII.	<b>Khu Hoạt động văn hóa, thể thao</b>	370	370		Nhận bàn giao, được cải tạo, sửa chữa từ năm 2012	Có 01 nhà thi đấu thể thao, hiện đã xuống cấp nhiều, nhà vệ sinh hỏng, xung quanh được ốp bằng tôn và tấm nhựa nên sau nhiều năm bị hỏng làm nước bắn vào trong những ngày mưa; tường bị bong tróc nhiều do ẩm mốc
VIII.	<b>Nhà để xe</b>	490	490		Được làm từ năm 2017 - 2021	Có 02 nhà xe diện tích 350m <sup>2</sup> đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ cán bộ, giảng viên nhà trường và 01 nhà xe 140m <sup>2</sup> phục vụ học viên. Hiện tại do chưa được quy hoạch nên việc bố trí nhà xe phục vụ học viên còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của học viên
IX	<b>Khuôn viên cây xanh, vườn hoa, đường giao thông nội bộ</b>					Chưa được quy hoạch Khuôn viên cụ thể, chỉ mới có các khu sân trước của nhà giảng đường, nhà Hiệu bộ

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )		Số phòng	Năm đưa vào SD hoặc cải tạo, sửa chữa	Hiện trạng, mức độ đáp ứng yêu cầu sử dụng
		Diện tích đất	Diện tích sử dụng			
X	Trang thiết bị phục vụ làm việc					
1	Máy tính	Hiện có 16 máy tính để bàn (trong đó 9 máy đã hết niên hạn nhưng vẫn được khắc phục để sử dụng); 03 máy tính xách tay (trong đó 02 máy đã hết niên hạn sử dụng)				Đội ngũ giảng viên chưa được trang bị máy tính phục vụ công việc (đặc thù cần trang bị máy tính xách tay để phục vụ các phương pháp dạy học hiện đại nên 100% giảng viên đang phải tự trang bị máy tính cá nhân để phục vụ nhiệm vụ giảng dạy)
2	Máy phôtô	Được trang bị 01 máy phôtô năm 2016 đến nay đã hết niên hạn sử dụng				Chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà trường (việc phôtô đề thi trắc nghiệm, hồ sơ, tài liệu phục vụ hội thảo của nhà trường đều được thực hiện bằng máy phôtô tại đơn vị)
3	Máy in	Hiện có 17 máy in canon 2900 cho 16 phòng làm việc lãnh đạo và các khoa phòng				Chưa có máy in 02 mặt, hệ thống máy in cũ đã hỏng nhiều cần nâng cấp cho 05 bộ phận khoa, phòng thành máy in 2 mặt để đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn

**PHỤ LỤC SỐ 08**  
**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC**  
**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2026**

(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035”)

**Biểu 1: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức**

TT	Năm	Chuyên môn			Lý luận chính trị			Kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng HCM	Ngoại ngữ (T. Anh)			Bồi dưỡng GV hạng II hoặc chuyên viên chính
		Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Trung cấp	Hoàn chỉnh cao cấp	Cao cấp		Đại học	Bậc 3/6 (B1)	Bậc 4/6 (B2)	
1.	2022		5		1	3		8	1			3
2.	2023		1		1	2		2	3	1		
3.	2024		2	1		1			1	1		1
4.	2025		3	2								
5.	2026			2								1
<b>Tổng</b>			<b>11</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>10</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>5</b>

*Ghi chú: Đến tháng 9/2022 đang có 03 đồng chí đang học thạc sỹ, 01 đang học Trung cấp LLCT.*

**Biểu 2: Kế hoạch chuyển ngạch, thăng hạng và tuyển dụng viên chức**

TT	Nội dung	Năm					Tổng
		2022	2023	2024	2025	2026	
<b>I. Chuyển ngạch giảng viên</b>							<b>2</b>
<b>II. Thăng hạng viên chức</b>							
1	Giảng viên chính và tương đương	3	4	5	5	1	<b>18</b>
2	Giảng viên cao cấp và tương đương						
<b>III. Tuyển dụng</b>							<b>4</b>

## Phụ lục số 09

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
CỬA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2026**

(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về "Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035")



**Kế hoạch mở lớp**

TT	Loại hình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Năm 2026		Tổng	
		Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
<b>I.</b>	<b>ĐÀO TẠO</b>	<b>16</b>	<b>736</b>	<b>16</b>	<b>773</b>	<b>10</b>	<b>525</b>	<b>8</b>	<b>407</b>	<b>7</b>	<b>385</b>	<b>57</b>	<b>2.826</b>
<b>1.</b>	<b>Đào tạo lý luận chính trị</b>	<b>8</b>	<b>368</b>	<b>9</b>	<b>437</b>	<b>6</b>	<b>304</b>	<b>5</b>	<b>247</b>	<b>4</b>	<b>214</b>	<b>32</b>	<b>1.570</b>
1.1.	Cao cấp lý luận chính trị			<b>2</b>	<b>101</b>	<b>2</b>	<b>83</b>	<b>2</b>	<b>87</b>	<b>1</b>	<b>43</b>	<b>7</b>	<b>314</b>
	- Hệ tập trung			<b>1</b>	<b>42</b>	<b>1</b>	<b>36</b>	<b>1</b>	<b>33</b>	<b>1</b>	<b>43</b>	<b>4</b>	<b>154</b>
	- Hệ không tập trung			<b>1</b>	<b>59</b>	<b>1</b>	<b>47</b>	<b>1</b>	<b>54</b>			<b>3</b>	<b>160</b>
1.2.	Trung cấp lý luận chính trị	<b>8</b>	<b>368</b>	<b>7</b>	<b>336</b>	<b>4</b>	<b>221</b>	<b>3</b>	<b>160</b>	<b>3</b>	<b>171</b>	<b>25</b>	<b>1.256</b>
	- Hệ tập trung	<b>6</b>	<b>255</b>	<b>4</b>	<b>183</b>	<b>1</b>	<b>54</b>	<b>1</b>	<b>49</b>	<b>1</b>	<b>34</b>	<b>13</b>	<b>575</b>
	- Hệ không tập trung	<b>2</b>	<b>113</b>	<b>3</b>	<b>153</b>	<b>3</b>	<b>167</b>	<b>2</b>	<b>111</b>	<b>2</b>	<b>137</b>	<b>12</b>	<b>681</b>



<b>Kế hoạch mở lớp</b>													
<b>TT</b>	<b>Loại hình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng</b>	<b>Năm 2022</b>		<b>Năm 2023</b>		<b>Năm 2024</b>		<b>Năm 2025</b>		<b>Năm 2026</b>		<b>Tổng</b>	
		<b>Số lớp</b>	<b>Số HV</b>	<b>Số lớp</b>	<b>Số HV</b>	<b>Số lớp</b>	<b>Số HV</b>	<b>Số lớp</b>	<b>Số HV</b>	<b>Số lớp</b>	<b>Số HV</b>	<b>Số lớp</b>	<b>Số HV</b>
<b>II.</b>	<b>BỒI DƯỠNG</b>	<b>23</b>	<b>1.370</b>	<b>48</b>	<b>2.998</b>	<b>28</b>	<b>1.550</b>	<b>35</b>	<b>2.176</b>	<b>30</b>	<b>1.684</b>	<b>164</b>	<b>9.778</b>
<b>1.</b>	<b>BD cấp ủy cơ sở</b>			<b>4</b>	<b>204</b>	<b>2</b>	<b>93</b>	<b>1</b>	<b>77</b>	<b>4</b>	<b>226</b>	<b>11</b>	<b>600</b>
<b>2.</b>	<b>BD đại biểu HĐND cấp huyện</b>			<b>1</b>	<b>79</b>					<b>1</b>	<b>65</b>	<b>2</b>	<b>144</b>
<b>3.</b>	<b>BD đại biểu HĐND cấp xã</b>			<b>7</b>	<b>379</b>	<b>3</b>	<b>150</b>	<b>3</b>	<b>136</b>	<b>9</b>	<b>560</b>	<b>22</b>	<b>1.225</b>
<b>4.</b>	<b>BD kiến thức, kỹ năng QLNN theo tiêu chuẩn ngạch công chức</b>	<b>5</b>	<b>294</b>	<b>5</b>	<b>356</b>	<b>4</b>	<b>257</b>	<b>3</b>	<b>216</b>	<b>3</b>	<b>184</b>	<b>20</b>	<b>1.307</b>
<b>4.1.</b>	<b>BD ngạch CV và tương đương</b>	<b>3</b>	<b>204</b>	<b>3</b>	<b>219</b>	<b>2</b>	<b>164</b>	<b>2</b>	<b>146</b>	<b>2</b>	<b>115</b>	<b>12</b>	<b>848</b>
<b>4.2.</b>	<b>BD ngạch CVC và tương đương</b>	<b>2</b>	<b>90</b>	<b>2</b>	<b>137</b>	<b>2</b>	<b>93</b>	<b>1</b>	<b>70</b>	<b>1</b>	<b>69</b>	<b>8</b>	<b>459</b>
<b>5.</b>	<b>Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm</b>	<b>5</b>	<b>226</b>	<b>26</b>	<b>1.695</b>	<b>15</b>	<b>829</b>	<b>24</b>	<b>1.513</b>	<b>9</b>	<b>466</b>	<b>79</b>	<b>4.729</b>
<b>5.1.</b>	<b>BD theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>	<b>5</b>	<b>226</b>	<b>4</b>	<b>193</b>	<b>3</b>	<b>143</b>	<b>3</b>	<b>118</b>	<b>1</b>	<b>59</b>	<b>16</b>	<b>739</b>



**Kế hoạch mở lớp**

TT	Loại hình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Năm 2026		Tổng	
		Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
	- BD lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	3	150	3	160	2	112	2	91	1	59	11	572
	- BD lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương											0	0
	- BD lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương	2	76	1	33	1	31	1	27			5	167
	BD theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ:			12	713	9	403	8	323	8	407	37	1.846
	- BD nghiệp vụ công tác văn phòng cấp ủy			1	57	1	40					2	97
	- BD nghiệp vụ công tác tuyên giáo			1	62	1	38	1	35	1	32	4	167
	- BD nghiệp vụ công tác dân vận			1	60	1	45	1	36	1	34	4	175
	- BD nghiệp vụ công tác tổ chức			1	31							1	31
	- BD nghiệp vụ công tác nội chính											0	0

TT		Kế hoạch mở lớp											
		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Năm 2026		Tổng	
		Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
	<b>Loại hình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng</b>												
	- BD nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát	1	76	1	48	1	34	2	168	5	326		
	- BD và tập huấn nghiệp vụ cho GV Trung tâm chính trị cấp huyện	1	30			1	30			2	60		
	- BD kỹ năng, nghiệp vụ công tác MTTQ	1	59	1	42	1	33	1	34	4	168		
	- BD kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đoàn TN	1	89	1	33	1	41			3	163		
	- BD kỹ năng, nghiệp vụ công tác Hội PN	1	87	1	72	1	71	1	73	4	303		
	- BD kỹ năng, nghiệp vụ công tác Hội ND	1	64	1	53	1	34	1	36	4	187		
	- BD kỹ năng, nghiệp vụ công tác CD	1	38							1	38		
	- BD kỹ năng, nghiệp vụ công tác Hội CCB	1	60	1	32	1	39			3	131		
5.3.	BD theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh CB,CC cấp xã:	10	789	3	283	13	1.072	0	0	26	2.144		
	- BD chức danh Chủ tịch, PCT UBND cấp xã			3	283	3	283			6	566		

**Kế hoạch mở lớp**

TT	Loại hình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Năm 2026		Tổng		
		Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	
	- BD chức danh Văn phòng - Thông kê			1	89					1	89		2	178
	- Bồi dưỡng chức danh Tư pháp - Hộ tịch			2	148					2	148		4	296
	- Bồi dưỡng chức danh Văn hóa - Xã hội			2	144					2	144		4	288
	- Bồi dưỡng chức danh Tài chính - Kế toán			2	189					2	189		4	378
	- Bồi dưỡng chức danh Địa chính - NN-XD-MT			3	219					3	219		6	438
<b>6.</b>	<b>Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức LLCT</b>	<b>13</b>	<b>850</b>	<b>5</b>	<b>285</b>	<b>4</b>	<b>221</b>	<b>4</b>	<b>234</b>	<b>4</b>	<b>183</b>	<b>30</b>	<b>1.773</b>	
	BD, cập nhật kiến thức cho đối tượng 4 theo Quy định 164-QĐ/TW ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị	13	850	5	285	4	221	4	234	4	183	30	1.773	
	<b>Tổng</b>	<b>31</b>	<b>1.738</b>	<b>57</b>	<b>3.435</b>	<b>34</b>	<b>1.854</b>	<b>40</b>	<b>2.423</b>	<b>34</b>	<b>1.898</b>	<b>196</b>	<b>11.348</b>	

## Phụ lục số 10

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC,  
TỔNG KẾT THỰC TIỄN CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2026**

*(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035”)*

TT	Hoạt động	Cấp/loại hình	Số lượng, năm thực hiện					Tổng
			2022	2023	2024	2025	2026	
1	Đề tài nghiên cứu khoa học và tương đương	Cấp tỉnh	1*	1	1		1	4
		Cấp cơ sở	2	3	3	4	3	15
		Cấp khoa, phòng	1	1	1	1	1	5
		Cấp bộ		1	1	1		3
		Cấp tỉnh			1	1		2
2	Hội thảo khoa học	Cấp trường	3	3	3	3	3	15
		Cấp khoa, phòng	4	3	3	3	3	16
3	Dự các hội nghị chuyên đề, các cuộc họp sơ, tổng kết các cấp (lượt CB, giảng viên)	Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng	60	60	60	60	60	300
		Chuyên khảo, tham khảo		6	1		1	8
4	Biên soạn, xuất bản sách (cuốn)	Chuyên khảo, tham khảo		1	1		1	3
		Kỷ yếu HTKH		2	2	1		5

TT	Hoạt động	Cấp/loại hình	Số lượng, năm thực hiện					Tổng
			2022	2023	2024	2025	2026	
5	Xuất bản Bản tin "Thông tin LL&TT" (số kỳ/năm)		2	3	3	3	3	14
6	Hoạt động của Trang Thông tin điện tử	Số tin, bài	70	80	80	80	80	390
		Cập nhật thông tin hoạt động của Trường; văn bản liên quan của Đảng, Nhà nước, Học viện	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	
7	Tổ chức đi nghiên cứu thực tế của Lãnh đạo Trường (lượt người)		3	3	3	3	3	15
8	Nghiên cứu thực tế (lượt Cán bộ, giảng viên)	Đi thực tế hằng năm	20	20	20	20	20	100
		Đi thực tế có kỳ hạn	0	1	1	1	1	4
9	Tổ chức đi nghiên cứu của Khoa (đoàn)		3	3	3	3	3	15
10	Đưa lớp đi nghiên cứu thực tế (đoàn)		7	7	7	7	7	35

\* Đề án xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2035

## Phụ lục số 11

**DANH MỤC NHỮNG VỤ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU, HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP TỈNH;  
SÁCH CHUYÊN KHẢO, THAM KHẢO, KỶ YẾU KHOA HỌC VÀ TÀI LIỆU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
CỦA TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2026**

(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu  
đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035”)

TT	Hoạt động	Tên đề tài/hội thảo/sách	Trách nhiệm	Năm thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)
1.	<b>Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh</b>	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị tỉnh Lai Châu - Thực trạng, nhiệm vụ và giải pháp  Công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng bộ tỉnh Lai Châu - những vấn đề đặt ra, phương hướng, giải pháp trong giai đoạn mới.  Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ thôn, bản, tổ dân phố ở tỉnh Lai Châu trong giai đoạn hiện nay	Chủ trì thực hiện  Chủ trì thực hiện	2023  2024  2026	200  200  200
2.	<b>Hội thảo khoa học cấp tỉnh, cấp bộ/khu vực</b>	Đoàn kết, đổi mới sáng tạo, nâng cao ý chí tự lực, tự cường, ra sức tăng gia sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lai Châu phát triển nhanh và bền vững  Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Chủ trì tổ chức (HT cấp tỉnh)  Phối hợp với đơn vị cấp Trung ương tổ chức	2023  2023	50  80



TT	Hoạt động	Tên đề tài/hội thảo/sách	Trách nhiệm	Năm thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)
		Đảng bộ tỉnh Lai Châu - 75 năm phấn đấu, xây dựng và phát triển	Tham mưu BTV Tỉnh ủy phối hợp đơn vị cấp Trung ương tổ chức	2024	80
		Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Chủ trì tổ chức (Hội thảo cấp tỉnh)	2024	50
		Cải cách thủ tục hành chính ở tỉnh Lai Châu - Thực trạng và giải pháp	Tham mưu UBND tỉnh phối hợp đơn vị cấp Trung ương tổ chức	2025	80
		Kỷ yếu hội thảo "Đoàn kết, đổi mới sáng tạo, nâng cao ý chí tự lực, tự cường, ra sức tăng gia sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lai Châu phát triển nhanh và bền vững"	Chủ trì biên soạn	2023	30
		Kỷ yếu hội thảo "Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu"	Chủ trì biên soạn	2023	30
		Biên soạn bộ sách: Đề cương bài giảng các học phần Chương trình Trung cấp Lý luận chính trị (5 cuốn)	Chủ trì biên soạn	2023	100
		Biên soạn Tài liệu về Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu đưa vào giảng dạy trong chương trình đào tạo trung cấp chính trị và chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại trung tâm chính trị cấp huyện	Chủ trì biên soạn	2023	100
3.	<b>Biên soạn, xuất bản sách</b>				

TT	Hoạt động	Tên đề tài/hội thảo/sách	Trách nhiệm	Năm thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)
		Kỷ yếu Hội thảo "Đảng bộ tỉnh Lai Châu - 75 năm phấn đấu, xây dựng và phát triển"	Chủ trì biên soạn	2024	30
		Kỷ yếu Hội thảo "Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu"	Chủ trì biên soạn	2024	30
		Biên soạn Tài liệu bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị cho cán bộ, lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở	Chủ trì biên soạn	2024	50
		Kỷ yếu hội thảo "Cải cách thủ tục hành chính ở tỉnh Lai Châu - Thực trạng và giải pháp"	Chủ trì biên soạn	2025	30
		Biên soạn tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp xã	Chủ trì biên soạn	2026	50





**Phụ lục số 12**  
**HÀNG MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ**  
**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2026**

(Kèm theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2035”)

TT	Hàng mục đầu tư CSVC	Hiện trạng		Nhu cầu (yêu cầu) đến năm 2026		Hình thức đầu tư	Mức độ yêu cầu
		Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )		
1	Khu giảng đường	380,4	1.141	380,4	1.141	Sửa chữa, bảo dưỡng	Sửa chữa toàn bộ khu nhà giảng đường hiện có, đảm bảo các phòng học có tính linh hoạt, tương tác cao đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy - học theo phương pháp tích cực, có hệ thống điểm danh, giám sát lớp học; có 01 phòng vi tính với hệ thống thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến để tổ chức được học trực tuyến, thi trắc nghiệm,...
2	Thư viện			393	1.177	Xây mới	Nhà thư viện ứng dụng công nghệ số, có chức năng lưu trữ, tra cứu tài liệu số, gồm khu lưu trữ tài liệu, khu đọc, khu thảo luận, học tập, nghiên cứu,...
3	Khu ký túc xá cho học viên			600	1.250	Xây mới	Đảm bảo bố trí được chỗ ăn nghỉ đồng thời cho khoảng 100 học viên: 1 tòa nhà 2 tầng khoảng 20 phòng, đảm bảo khép kín phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, học tập, vệ sinh)



TT	Hạng mục đầu tư CSVC	Hiện trạng		Nhu cầu (yêu cầu) đến năm 2026		Hình thức đầu tư	Mức độ yêu cầu
		Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )		
4	Hội trường lớn 300 chỗ			650	1.000	Xây mới	Hội trường 2 tầng, trong đó: - Tầng 1: Hội trường đồng thời là giảng đường lớn 300 chỗ ngồi, được trang bị hiện đại, đáp ứng tổ chức sự kiện đa dạng: Hội nghị, hội thảo, giảng dạy, văn nghệ,... - Tầng 2: + Phòng họp đa năng kết hợp tổ chức được các hội nghị, hội thảo dưới 70 chỗ ngồi, có hệ thống kết nối trực tuyến với Tỉnh ủy, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường Chính trị trong cả nước. + Phòng truyền thống của nhà trường. + 01 phòng học có sức chứa 100 đến 120 người.
5	Phòng nghỉ chuyên gia, giảng viên			200	320	Xây mới	Khoảng 8 phòng, đảm bảo khép kín, tiện nghi, (tiếp khách, làm việc, nghỉ, vệ sinh)
6	Nhà thể thao đa năng			800	650	Xây mới	Có nhà thể thao đa năng cho các môn thể thao bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn...
7	Khối nhà ăn, căng tin			500	650	Xây mới	Có sức chứa khoảng 150 người, đảm bảo tiện nghi, an toàn vệ sinh, đáp ứng nhu cầu ăn, giao lưu của học viên các lớp học và các hoạt động của nhà

TT	Hạng mục đầu tư CSVC	Hiện trạng		Nhu cầu (yêu cầu) đến năm 2026		Hình thức đầu tư	Mức độ yêu cầu
		Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )		
8	Gara ô tô, xe máy			250	250	Xây mới	
9	Cổng, tường rào, nhà bảo vệ					Xây mới	
10	Khuôn viên, cây xanh thảm cỏ, đất dự trữ			11.427,6	11.427,6	Tôn tạo, xử lý lại cho phù hợp với không gian	Đảm bảo phù hợp không gian, có cây xanh, bóng mát... phù hợp với môi trường trường Đảng.
11	Phá dỡ các công trình không sử dụng; san nền phụ trợ						

